TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 7 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Duyên Văn Hiền
Bà Lưu Xông Pha

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Ngọc H, sinh năm 2005; Cư trú: Ấp G, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp G, xã K, tỉnh Cà Mau; Xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Trần Hải B, sinh năm 1997; Cư trú: Ấp G, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp G, xã K, tỉnh Cà Mau; Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2025, nguyên đơn chị Trịnh Ngọc H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Hải B kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống nên đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng không còn chung sống. Gia đình hai bên đã hàn gắn đoàn tụ cho vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị không còn tình cảm với anh B nên xin ly hôn với anh B.

- Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Trần Đăng K, sinh ngày 23/3/2023, chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con thành niên.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Hải B: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh B để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng anh B không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh B về các nội dung khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trịnh Ngọc H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Hải B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh B.

[2] Về hôn nhân: Chị Trịnh Ngọc H và anh Trần Hải B xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau) nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị H xác định, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống nên đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng không còn chung sống. Gia đình hai bên đã hàn gắn đoàn tụ cho vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng không có thiện chí hàn gắn trở lại. Do không còn tình cảm với anh B nên chị H xin ly hôn.

Về phía anh B, tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ (Anh B trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Toà án) để tham dự phiên tòa nhưng anh B không có mặt điều này cho thấy anh B không có thiện chí hàn gắn và cũng không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với chị H.

Do chị H và anh B không còn sống chung; vợ chồng không thực hiện được nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau nên xác định chị H và anh B đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H và anh B ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Trần Đăng K, sinh ngày 23/3/2023, hiện nay do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K.

Xét thấy, hiện cháu K còn nhỏ (Dưới 36 tháng tuổi) rất cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ; hơn nữa, cháu K đang sống chung với mẹ nên cháu đã có sự gắn bó, thân thiết với mẹ; anh B không có ý kiến gì đối với yêu cầu về con chung của

chị H. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu K, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh B không trực tiếp nuôi dưỡng cháu K nên anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, mức cấp dưỡng chị H yêu cầu 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng tự thoả thuận về tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh B về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh B về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Ngọc H.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trịnh Ngọc H và anh Trần Hải B.

- Về con chung: Giao cháu Trần Đăng K, sinh ngày 23/3/2023 cho chị Trịnh Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Hải B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K mà không ai được cản trở; anh B có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu K được sống chung với chị H.

Buộc anh B cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu K thành niên.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí:

- Chị Trịnh Ngọc H phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 22/5/2025 chị H đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005662 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ chuyển thu.

- Anh Trần Hải B phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chưa nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trịnh Ngọc H và bị đơn anh Trần Hải B có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà